

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, CÁC ĐIỀU KIỆN
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU, CHI TÀI CHÍNH THEO
(Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THCS Hải Lộc đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và có báo cáo như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục:** Trường THCS Hải Lộc
- Địa chỉ trụ sở chính:** xóm 7- xã Hải Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Gmail: thcs17hailoc@gmail.com
- Website: <https://c2hailoc.ninhbinh.edu.vn>
- Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp**
- Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân xã Hải Hưng, tỉnh Ninh Bình.
- Loại hình: Trường công lập
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục**

Trải qua quá trình xây dựng và trưởng thành, phong trào giáo dục toàn diện của nhà trường không ngừng được nâng cao.

Ngay sau khi ổn định và kiện toàn bộ máy theo địa giới hành chính mới được sự chỉ đạo, quan tâm đầu tư của Sở GD&ĐT tỉnh Ninh Bình; Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Hải Hưng; sự phối hợp chặt chẽ và ủng hộ nhiệt tình của các ban ngành đoàn thể, Ban đại diện cha mẹ học sinh, với quyết tâm cao thầy và trò trường THCS Hải Lộc đã vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của các cấp, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, thân thiện.

Trong những năm qua, trường THCS Hải Lộc luôn đạt danh hiệu: “Tập thể Lao động Tiên tiến” và một số bằng khen, giấy khen của hội đồng thi đua khen thưởng các cấp.

Cơ sở vật chất: có 12 phòng học, đầy đủ bàn ghế phù hợp với lứa tuổi học sinh, các phòng chức năng được trang bị các thiết bị cần thiết phục vụ cho công tác

dạy học. Phòng Tin học có 20 máy tính, 100% số máy tính của giáo viên và học sinh được kết nối internet phục vụ việc dạy học và các hoạt động chuyên môn của nhà trường.

Trong giai đoạn phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay, giáo dục ngày càng có vai trò quan trọng trong việc đào tạo thế hệ người Việt Nam thời kì mới, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội. Điều này đòi hỏi nhà trường phải xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển đúng hướng, phù hợp với quy luật, xu thế và xứng tầm thời đại, đồng thời phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát huy kết quả nhà trường đã đạt được trong giai đoạn 2015-2020. Từ đó, xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường và hoạt động của Ban giám hiệu cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường. Xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 sẽ góp phần quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục nhà trường nói riêng, mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội địa phương nói chung.

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2035 được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát huy những kết quả, thành tựu nhà trường đã đạt được trong giai đoạn 2020-2025. Từ đó, xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển; là cơ sở pháp lý quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường, công tác quản lý của Ban giám hiệu, cũng như hoạt động dạy và học của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Việc xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch chiến lược nhà trường giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2035 sẽ góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển của nhà trường nói riêng và đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nói chung.

Chiến lược phát triển của nhà trường được xây dựng hoàn toàn phù hợp với mục tiêu giáo dục cấp Trung học cơ sở, đồng thời bám sát định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong giai đoạn chuyển tiếp và ổn định sau sáp nhập, nhà trường tiếp tục kế thừa, phát huy các mục tiêu cốt lõi từ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Hội đồng nhân dân xã giai đoạn cũ, đồng thời chủ động cập nhật các định hướng, mục tiêu phát triển mới của Đảng ủy, HĐND và UBND xã Hải Hưng. Qua đó, đảm bảo thực hiện đúng yêu cầu

đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI. Bằng việc khơi dậy tinh thần trách nhiệm, khích lệ đội ngũ giáo viên đoàn kết, sáng tạo và nhiệt huyết trong công tác chuyên môn, nhà trường đã không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giữ vững vị thế là một trong những đơn vị có chất lượng giảng dạy thuộc tốp đầu.

Sau khi sáp nhập địa giới hành chính về diện quản lý của UBND xã Hải Hưng, nhà trường đã nhanh chóng ổn định tổ chức, tập trung duy trì quy mô trường lớp và từng bước cải thiện môi trường giáo dục, nâng cao hiệu quả dạy và học. Phát huy các kết quả đã đạt được, tập thể sư phạm nhà trường luôn nỗ lực duy trì và giữ vững các tiêu chí đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2, Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3, trường đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn và Thư viện đạt chuẩn. Minh chứng cho những nỗ lực đó, vào tháng 5 năm 2025, nhà trường đã đón đoàn kiểm tra của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hải Hậu về kiểm tra, công nhận danh hiệu “Thư viện đạt chuẩn”. Đồng thời, nhà trường cũng vinh dự đón Đoàn đánh giá ngoài của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định về khảo sát chính thức, ký quyết định tái công nhận trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2, Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và đạt tiêu chuẩn trường Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn trên địa bàn xã mới Hải Hưng.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

Trường THCS Hải Lộc, tiền thân là trường PTCS Hải Lộc được thành lập từ năm 1962, trường nằm trên địa bàn xóm 7 xã Hải Lộc, với tổng diện tích 8204m². Nhà trường đã lập được nhiều thành tích xuất sắc: Nhiều năm được công nhận là “Tập thể Lao động Tiên tiến”. Trường đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS, đạt chuẩn quốc gia, chuẩn xanh - Sạch - Đẹp - An toàn, chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ III và Thư viện đạt chuẩn.

Nhà trường có đội ngũ CB, GV, NV đủ về số lượng, tương đối đồng đều về chất lượng. 100% giáo viên có tư cách đạo đức tốt, có năng lực, nhiệt tình và năng động trong công tác, có kinh nghiệm trong giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

Ban giám hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo cấp trên. Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện việc bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho CB, GV, NV trong nhà trường.

Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống cho giáo viên, nhân viên. Thường xuyên tuyên truyền nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp cho đội ngũ. Phân công chuyên môn, bố trí công việc phù hợp với năng lực và trình độ của giáo viên, nhân viên nhà trường.

Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá việc thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách của giáo viên.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho CB, GV, NV.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Đại diện: bà Trần Phương Lan
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Trường THCS Hải Lộc, xóm 7, xã Hải Hưng, tỉnh Ninh Bình.
- Điện thoại: 0918430636
- Gmail: tranphuonglan03@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a, Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục

- Quyết định số 55/QĐ-UB ngày 15/9/1990 của Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu về việc tách trường PTCS thành trường PTCS cấp I và trường PTCS cấp II”

- Thông báo số 475/TB-UBND ngày 25/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu thông báo về việc xác nhận đơn vị trường trung học cơ sở Hải Lộc thuộc Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu.

- Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 về việc chuyển nguyên trạng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND các huyện, thành phố, về UBND cấp xã quản lý.

- Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 21/7/2025 của Chủ tịch UBND xã Hải Hưng về việc tiếp nhận các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định về UBND xã Hải Hưng, tỉnh Ninh Bình quản lý;

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục;

1. Hiệu trưởng: Bà Trần Phương Lan

+ Ngày tháng năm sinh: 26/10/1973

+ Bổ nhiệm lại viên chức quản lý trường học tiếp tục giữ chức vụ Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở Hải Lộc từ ngày 16/8/2025 theo Quyết định số 7001/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của chủ tịch UBND huyện Hải Hậu.

+ Thời gian làm Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay được 6 năm.

2. Phó hiệu trưởng: Bà Trần Thị Sen

+ Ngày tháng năm sinh: 17/11/1971

+ Bổ nhiệm lại viên chức quản lý trường học là phó hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Hải Lộc ngày 01/04/2023 theo quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 30/03/2023 của chủ tịch UBND huyện Hải Hậu.

+ Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay được 13 năm.

c) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị trực thuộc, thành viên (nếu có);

Trường THCS Hải Lộc thực hiện đúng theo Luật giáo dục năm 2019 và Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học.

1. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục: Nhà trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định Điều lệ trường THCS như: Hội đồng trường, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng, hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng kỷ luật, hội đồng tư vấn, tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, tổ chức Công đoàn, Ban thanh tra nhân dân, tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, lớp học, thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục, tất cả các Hội đồng đều hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ trong các hoạt động giáo dục của đơn vị.

2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục:

- Xây dựng kế hoạch chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn liền với điều kiện phát triển kinh tế địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ GDĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ GDĐT. Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội. Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục; quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, tranh thiết bị theo quy định pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về đảm bảo chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm tra chất lượng giáo dục; thực hiện công khai về cam kết chất lượng và thi, chi tài chính theo đúng quy định.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình trong quản lý các hoạt động giáo dục, việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định.

d) *Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục.*

- Họ và tên: Trần Phương Lan
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Trường THCS Hải Lộc, xóm 7, xã Hải Hưng, tỉnh Ninh Bình.
- Điện thoại: 0918430636
- Gmail: tranphuonglan03@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Nhà trường đã triển khai, xây dựng và thực hiện đầy đủ các văn bản: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; Quy chế dân chủ ở cơ sở, các Nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính; quy chế quản lý sử dụng tài sản công; quy chế chi tiêu nội bộ; kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên; quy chế chuyên môn, quy tắc ứng xử.....

II. ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

a, Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Chưa đạt chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	0	01	0	0	
Phó hiệu trưởng	01	01	0	01	0	0	
Giáo viên	20	15	0	20	0	0	
Nhân viên	04	04	0	04	0	0	
Cộng	26	21	0	26	0	0	

b, Số lượng tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

CBQL, GV	Tổng số	Xếp loại Tốt		Xếp loại Khá		Xếp loại Đạt		Xếp loại Chưa đạt	
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%
CBQL	2	2	100%	0	0	0	0	0	0
Giáo viên	18	18	100%	0	0	0	0	0	0

c, Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định: Năm học 2025-2026 là 26/26 đạt tỷ lệ 100%.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

a. Diện tích khu đất xây dựng trường:

Trường THCS Hải Lộc với diện tích 8204m², diện tích bình quân tối thiểu/học sinh là 19,58 m² đảm bảo đủ và vượt so với quy định.

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	12	1,66 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	12	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	5	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	
7	Bình quân lớp/phòng học	1	
8	Bình quân học sinh/lớp	34,92	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	8204	19,58 m ² /học sinh
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	3379	8,06 m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	52	1,5 m ² /học sinh
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	65	1,85 m ² /học sinh
3	Diện tích thư viện (m ²)	90	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	412,6	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội (m ²)	21,7	
6	Diện tích phòng Y tế (m ²)	21,7	
7	Diện tích phòng Hội đồng (m ²)	65	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	4	
1.1	Khối lớp 6	1	
1.2	Khối lớp 7	1	
1.3	Khối lớp 8	1	
1.4	Khối lớp 9	1	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	25	Số học sinh/bộ 14

IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	12	1/1
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	
5	Thiết bị âm thanh	6	
6	Phần mềm tin học	4	
X	Nhà bếp	0	
XI	Nhà ăn	0	
XII	Phòng ngủ cho học sinh bán trú	0	
XIII	Khu nội trú	0	
XIV	Nhà vệ sinh	4 (GV;HS)	2 nữ; 2 nam
	Nội dung	có	không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (Lưới)	x	
XVII	Kết nối Internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử của trường		
XIX	Tường Rào Xây	x	

Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong dạy và học tại nhà trường đã được cơ quan cấp có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Năm học 2025-2026 ngay từ đầu năm học nhà trường đã thông báo tới phụ huynh học sinh về việc lựa chọn và sử dụng sách giáo khoa trong nhà trường trong năm học để phụ huynh học sinh biết:

Khối 6,7,8: Sử dụng bộ sách Kết nối tri thức (Môn GDCD dùng sách Cánh Diều)

Khối 9: Sử dụng bộ sách Cánh Diều (Môn GDTC dùng sách Kết nối tri thức)

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường THCS Hải Lộc đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng về mục đích kiểm định chất lượng. Trong đó, tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện, để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thường xuyên cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục. Trường THCS Hải Lộc đã tự đánh giá chất lượng giáo dục để xác định rõ trường đã đạt được ở cấp độ nào, từ đó đăng kí kiểm định chất lượng với cấp trên, để được công nhận Chất lượng giáo dục cấp độ 3 và trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 2, giúp nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa chất lượng giáo dục toàn diện.

Từng năm học, nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá và nộp báo cáo tự đánh giá về bộ phận khảo thí Phòng GDĐT; đồng thời thấy được ý nghĩa thiết thực của công việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây.

Trường THCS Hải Lộc đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá.
- Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá
- Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng
- Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí
- Viết báo cáo tự đánh giá
- Công bố báo cáo tự đánh giá.

Trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá gồm các thành viên với đầy đủ các thành phần: Cấp ủy Chi bộ, BGH, Bí thư đoàn trường, các tổ trưởng chuyên môn, các đồng chí CB, GV, NV phụ trách các hoạt động giáo dục có liên quan.

Phân công các thành viên trong nhóm công tác là những người trực tiếp phụ trách các hoạt động giáo dục nhà trường và đã công tác, giảng dạy nhiều năm tại trường.

Kết quả của quá trình tự đánh giá:

Thực hiện tự đánh giá, nhà trường đã nhận thấy điểm mạnh, điểm yếu từ đó đề ra kế hoạch cải tiến chất lượng để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. Kỷ cương nề nếp được giữ vững, công tác quản lý được đổi mới và việc đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường chuẩn mực hơn.

Tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường đạt Kiểm định chất lượng cấp độ 3 đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 và đạt chuẩn Xanh- Sạch- Đẹp- An toàn.

V. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TRƯỜNG THCS HẢI LỘC NĂM HỌC 2024-2025

1. Kế hoạch giáo dục .

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
I	Điều kiện tuyển sinh	HT CTTH; Theo CV hướng dẫn			
II	CTGD mà CSGD thực hiện	CT GDPT 2018 Khối lớp 6	CT GDPT 2018 Khối lớp 7	CT GDPT 2018 Khối lớp 8	CTGDPT 2018 Khối lớp 9
III	Yêu cầu về phối hợp giữa CSGD và gia đình; Yêu cầu về thái độ HT của HS	-Phối hợp tốt giữa gia đình và nhà trường. -Thái độ học tập và rèn luyện của HS tốt	-Phối hợp tốt giữa gia đình và nhà trường. -Thái độ học tập và rèn luyện của HS tốt	-Phối hợp tốt giữa gia đình và nhà trường. -Thái độ học tập và rèn luyện của HS tốt	-Phối hợp tốt giữa gia đình và nhà trường. -Thái độ học tập và rèn luyện của HS tốt
IV	Các HĐ hỗ trợ HT, sinh hoạt của HS ở CSGD	Triển khai đầy đủ các hoạt động hỗ trợ học tập và sinh hoạt của HS	Triển khai đầy đủ các hoạt động hỗ trợ học tập và sinh hoạt của HS	Triển khai đầy đủ các hoạt động hỗ trợ học tập và sinh hoạt của HS	Triển khai đầy đủ các hoạt động hỗ trợ học tập và sinh hoạt của HS
V	Kết quả NL, Phẩm chất, Học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Lên lớp đạt 99%. -Không có học sinh vi phạm pháp luật, không có HS nào phải xếp loại chưa đạt về rèn luyện. -Tốt nghiệp THCS đạt 100%. -100% HS đạt yêu cầu về rèn luyện thể chất.			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của HS	Đảm bảo HS có khả năng tiếp tục học tập tốt ở lớp trên	Đảm bảo HS có khả năng tiếp tục học tập tốt ở lớp trên	Đảm bảo HS có khả năng tiếp tục học tập tốt ở lớp trên	Đảm bảo HS có khả năng tiếp tục học tập tốt ở lớp trên

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường THCS Hải Lộc năm học 2025-2026.

STT	Số liệu	Năm học 2025-2026
1	Tổng số học sinh	419
	- Nữ	208
	- Dân tộc	0

	- Khối lớp 6	107
	- Khối lớp 7	105
	- Khối lớp 8	106
	- Khối lớp 9	101
2	Tổng số tuyển mới (lớp 6)	107
3	Học 2 buổi/ngày	0
4	Bán trú	0
5	Nội trú	0
6	Bình quân số học sinh/lớp học	35
7	Tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	100
8	Tổng số học sinh giỏi cấp tỉnh	8
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia	0
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	23
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	0
12	Số học sinh chuyên trường	
13	Số tiếp nhận học sinh học tại trường	

- Kết quả xếp loại rèn luyện của học sinh:

Đánh giá theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT:

Năm học	Tổng số	Mức Tốt		Mức Khá		Mức Đạt		Mức Chưa đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2025-2026	419	374	89,26	43	10,26	2	0,48	0	0

Thông kê kết quả xếp loại học tập:

Năm học	Tổng số	Mức Tốt		Mức Khá		Mức Đạt		Mức Chưa đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2025-2026	419	87	20,76	216	51,55	103	24,58	13	3,1

Bảng thống kê tính số học sinh lên lớp và không được lên lớp

Năm học	Số học sinh được lên lớp	Số học sinh không được lên lớp	Tỷ lệ	Bỏ học	Tỉ lệ bỏ học	Tỉ lệ chuyển cấp
2025-2026	406	13	3,1%	0	0	0

Toàn trường tổng số 419 học sinh và 3 học sinh khuyết tật được đánh giá theo kế hoạch học sinh khuyết tật.

Thông kê số lượng học sinh tốt nghiệp, dự thi, đỗ THPT:

Năm học	Tổng số HS	Số h/s T.N THCS		Số hs dự thi THPT		Số hs đỗ THPT	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
2025-2026	101	101	100	91	90,1	83	91,21

- Tỉ lệ tốt nghiệp và được cấp bằng tốt nghiệp 101/101 học sinh đạt 100%

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của đơn vị tại thời điểm 31/05/2026:

a. Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí

Chi tiêu	NỘI DUNG	MÃ SỐ	Tổng cộng	Ngân sách	Nguồn khác
A	Ngân sách nhà nước				
	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Số dư năm trước chuyển sang	1			
2	Dự toán kinh phí được giao trong năm	2	6.155.567.000	6.155.567.000	
	- Kinh phí không tự chủ	3	812.585.000	812.585.000	
	- Kinh phí tự chủ	4	5.342.982.000	5.342.982.000	
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	5	6.155.567.000	6.155.567.000	
	- Kinh phí không tự chủ	6	812.585.000	812.585.000	
	- Kinh phí tự chủ	7	5.342.982.000	5.342.982.000	
4	Kinh phí thực nhận trong năm	8	2.520.678.603	2.520.678.603	
	- Kinh phí không tự chủ	9	521.262.000	521.262.000	
	- Kinh phí tự chủ	10	1.999.416.603	1.999.416.603	
5	Kinh phí đề nghị quyết toán	11	2.520.678.603	2.520.678.603	
	- Kinh phí không tự chủ	12	521.262.000	521.262.000	
	- Kinh phí tự chủ	13	1.999.416.603	1.999.416.603	
6	Dự toán bị hủy	14	0	0	
7	Số dư KP được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	15	3.634.888.397	3.634.888.397	
B	TỔNG NGUỒN DỊCH VỤ, KHÁC				

1	Số dư năm trước chuyển sang	1			375.090
2	Số thu được trong năm	2			40.150.000
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	3			40.525.090
4	Kinh phí đề nghị quyết toán	4			20.535.000
5	Số dư được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	5			19.990.090

b. Các khoản chi

Loại	Khoản	Mục	Tiêu mục	Nội dung chi	Tổng số	NGUỒN NSNN
A	B	C	D	E	1	2
				I. Kinh phí được giao tự chủ	1.999.416.603	1.999.416.603
		6000		Tiền lương	966.134.100	966.134.100
			6001	Lương theo ngạch, bậc	966.134.100	966.134.100
		6050		Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	109.742.316	109.742.316
			6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	109.742.316	109.742.316
		6100		Phụ cấp lương	598.981.500	598.981.500
			6101	Phụ cấp chức vụ	15.210.000	15.210.000
			6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	332.656.740	332.656.740
			6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	1.170.000	1.170.000
			6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	249.944.760	249.944.760
		6300		Các khoản đóng góp	316.451.841	316.451.841
			6301	Bảo hiểm xã hội	258.042.192	258.042.192
			6302	Bảo hiểm y tế	43.807.240	43.807.240
			6304	Bảo hiểm thất nghiệp	14.602.409	14.602.409
		6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	6.106.846	6.106.846
			6501	Tiền điện	6.106.846	6.106.846
		6700		Công tác phí	2.000.000	2.000.000
			6704	Khoản công tác phí	2.000.000	2.000.000
				II. Kinh phí không được giao tự chủ	521.262.000	521.262.000

		6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	7.362.000	7.362.000
			6649	Khác	7.362.000	7.362.000
		7050		Mua sắm tài sản vô hình	9.000.000	9.000.000
			7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	9.000.000	9.000.000
		7750		Chi khác	504.900.000	504.900.000
			7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	504.900.000	504.900.000
				TỔNG CỘNG	2.520.678.603	2.520.678.603

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học năm học 2025-2026

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung thu	ĐVT	Định mức thu năm học 2025-2026	Ghi chú
1	Tiền nước uống	Đồng/tháng/HS	10.000	
2	Trông giữ xe đạp	Đồng/tháng/HS	10.000	
3	Bảo hiểm y tế học sinh (01/01 đến 31/12/năm)	Đồng/năm/HS	631.800	

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học:

Trong năm học 2025-2026 nhà trường đã thực hiện đúng, nghiêm túc về chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, học bổng cho các học sinh thuộc đối tượng chính sách theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

4. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

Nhà trường đã triển khai thực hiện công khai tài chính theo đúng quy định tại: Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung của nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Kết quả thực hiện các Nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước:

- Nhà trường đã triển khai đầy đủ các Nghị quyết, chỉ thị của tổ chức Đảng cấp trên, chính sách pháp luật của nhà nước trong các cuộc họp giao ban tháng.

- Chấp hành tốt điều lệ đảng, thường xuyên quán triệt, chỉ đạo và tuyên truyền CB, GV, NV trong trường thực hiện nghiêm túc chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Nhà trường thường xuyên chú trọng xây dựng tập thể đoàn kết nội bộ trong cơ quan đơn vị.

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc có hiệu quả việc đẩy mạnh “Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

- Nhà trường đã chỉ đạo thực hiện tốt việc phòng chống dịch bệnh theo các văn bản chỉ đạo của các cấp, các ngành.

- Tổ chức triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo của ngành về nhiệm vụ năm học, các nội dung về chuyên môn và các hoạt động khác ngoài chuyên môn.

- Tổ chức cho HS học tập các nội quy, quy tắc ứng xử, quy chế nhà trường, tiếp cận với kỹ năng mềm, quyền lợi và trách nhiệm của HS khi đến trường.

2. Kết quả các kỳ thi khảo sát chất lượng định kỳ, khảo sát chọn HSG các cấp và các cuộc thi, hội thi khác.

a, Kết quả xếp loại rèn luyện

Khối	Tổng số HS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
6	107	99	92,52	8	7,48	0	0	0	0
7	105	79	75,24	26	24,76	0	0	0	0
8	106	95	89,62	9	8,49	2	1,89	0	0
9	101	101	100	0	0	0	0	0	0
Toàn trường	419	374	89,26	43	10,26	2	0,48	0	0

b, Kết quả xếp loại học lực cuối năm (tính đến thời điểm tháng 5/2025)

Khối	Tổng số HS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
6	107	21	19,63	49	45,79	32	29,91	5	4,67
7	105	18	17,14	53	50,48	30	28,57	4	3,81
8	106	13	12,26	59	55,66	30	28,3	4	3,77
9	101	35	34,65	55	54,46	11	10,89	0	0
Toàn trường	419	87	20,76	216	51,55	103	24,58	13	3,1

c, Chất lượng học sinh giỏi, các hội thi, cuộc thi

Nhà trường đã thực hiện tốt công tác phát hiện học sinh có năng khiếu, tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi định kì vào chiều thứ 4 hàng tuần với các đội tuyển Văn 9, Toán 9, Anh 9 và KHTN - Sinh 9. Bố trí giáo viên có kinh nghiệm trực tiếp phụ trách các đội tuyển. Kết quả:

* Thi Học sinh giỏi cấp Cụm:

Toàn đoàn có 5/8 học sinh dự thi đạt giải, trong đó có 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 01 giải Ba và 02 giải Khuyến khích (Môn KHTN (Sinh) có 01 giải Nhất, 01 giải Nhì; Môn Toán 9 có 01 giải Ba; Môn Ngữ văn 9 có 01 giải Khuyến khích; Môn tiếng Anh có 01 giải Khuyến khích).

* Thi học sinh giỏi cấp Tỉnh:

Toàn đoàn xếp thứ 119/365 trường Nhóm 2 của tỉnh, trong đó:

- Môn Ngữ văn 9: Xếp thứ 85/286, có 01 giải Ba
- Môn Toán 9: Xếp thứ 93/247, có 01 giải Khuyến khích
- Môn tiếng Anh: Xếp thứ 139/243, không có học sinh đạt giải.
- Môn KHTN(Sinh): Xếp thứ 18/190, có 02 giải Ba

Toàn đoàn có 4/8 học sinh dự thi đạt giải, trong đó có 03 giải Ba và 01 giải Khuyến khích.

* Cuộc thi Tài năng tiếng Anh cấp tỉnh:

Toàn trường có 81 học sinh dự thi; Kết quả: Xếp thứ 108/484 trường trong toàn tỉnh.

* Cuộc thi IOE cấp tỉnh:

Toàn trường có 30 học sinh lọt vào vòng thi cấp tỉnh, trong đó em Đoàn Phương Thảo học sinh lớp 6A đạt giải Ba;

Có 6 em học sinh vinh dự được tham dự vòng thi cấp Quốc gia.

* Cuộc thi Đấu trường toán học:

Sau khi tham gia 12 vòng loại đã có 112 em lọt vào vòng chung kết cấp trường; trong đó có 57 em vào vòng thi cấp xã; 35 em tham gia vòng thi cấp tỉnh.

Kết quả toàn đoàn: Có 01 Giải Bạc; 05 Giải Đồng và 08 Giải KK cấp tỉnh.

3. Kết quả thực hiện quy chế dân chủ trong năm học

- Nhà trường đã xây dựng quy chế dân chủ, có quy định và các hình thức để CB, GV, NV được bàn bạc, tham gia ý kiến vào các chủ trương và nhiệm vụ công tác của trường tại Hội nghị Nhà giáo, CBQLGD, người lao động đầu năm học; hàng tháng họp hội đồng sư phạm triển khai, bàn bạc kế hoạch, nhiệm vụ; hàng tuần tổ chức hội nghị giao ban, đoàn thể tham gia đóng góp ý kiến cho các hoạt động của nhà trường.

- CB, GV, NV được thông tin về các chủ trương của nhà trường, những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ và quyền lợi của mình như công tác quy hoạch, tuyển dụng, cán bộ, phân công nhiệm vụ...

- Về công tác chuyên môn: đã triển khai đầy đủ các văn bản, kế hoạch việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học...đặc biệt là chương trình GDPT 2018.

- Về kinh phí ngân sách tự chủ: Đảm bảo chi đủ lương, các chế độ khen thưởng, công tác phí, nghỉ thai sản, làm thêm giờ,...được chi trả theo đúng quy chế chi tiêu nội bộ.

- Trường tổ chức tốt việc tiếp dân và CMHS, giải quyết các kiến nghị của CB, GV, NV, nhân dân và CMHS.

- Đa số CB, GV, NV trong trường đã tích cực tham gia đóng góp ý kiến cho các hoạt động của trường. Kiên quyết đấu tranh chống những hiện tượng gây bè phái, mất đoàn kết và những hiện tượng vi phạm dân chủ, kỷ cương trong trường. Đồng thời thực hiện đúng những quy định của Pháp lệnh CBCC, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm; giữ gìn phẩm chất; uy tín, danh dự nhà giáo; tôn trọng đồng nghiệp, PH và HS, bảo vệ uy tín và thương hiệu của nhà trường.

B. Hình thức và thời điểm công khai:

1. Hình thức:

- Tổ chức công khai trong hội đồng sư phạm bằng hình thức niêm yết, thông báo, đưa lên cổng thông tin của trường. Nhờ vậy phụ huynh và cán bộ, giáo viên và học sinh của trường đều nắm rõ các nội dung thông báo để lựa chọn hình thức học tập phù hợp.

- Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về

chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường. Phụ huynh yên tâm khi đưa con đến trường, chất lượng giáo dục chuyển biến tốt, tạo thương hiệu của trường về chất lượng.

2. Thời điểm công khai:

- Về cam kết chất lượng, chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng, thu chi tài chính đăng tải và niêm yết thông báo từ tháng 6/2026.

- Tiếp tục đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của trường và cập nhật khi khai giảng năm học mới và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

- Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học mới hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết công khai tại trường ít nhất 15 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét.

- Đối với học sinh tuyển mới: Phổ biến hướng dẫn tuyển sinh và các thông báo về theo từng khu phố trước khi trường thực hiện tuyển sinh.

- Đối với học sinh đang học tại trường: Tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới để thông báo chi tiết.

Các năm về sau vẫn thực hiện theo hình thức và thời gian, thời điểm như năm học trước.

Nơi nhận:

- Website của trường

- Lưu VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trần Phương Lan